

I. ĐỌC HIỂU (6.0 điểm)

Đọc đoạn trích sau:

THỎ VÀ RỪA

Ngày xưa, thỏ lúc nào cũng cười mũi con rùa về sự chậm chạp. Nhưng rùa thì dẫn lòng trước sự khoe khoang của thỏ. Một hôm, trước đông đủ bá thú, rùa thách thỏ chạy thi. Thỏ trả lời:

- Đừng có đùa dai! Bạn không biết là tôi có thể chạy cả chục vòng quanh bạn hay sao.

Rùa mỉm cười:

- Không cần nhiều lời. Muốn biết ai nhanh thì cứ việc thi.

Thế là trường đua được vạch ra. Con cáo làm trọng tài. Nó hú ba tiếng là cuộc thi bắt đầu. Thoắt một cái, con thỏ đã biến mất. Con rùa cứ chậm chạp bước theo. Các thú khác ở dọc đường cổ vũ. Một lúc sau, thỏ đứng lại đợi rùa, nhân tiện diều chơi cho đỡ ghét.

Đợi một lúc mà rùa vẫn chưa tới. Thỏ vừa thêm thiếp vừa lằm bằm:

- Ta cứ chộp mắt một tí trên bãi cỏ này. Khi trời mát xuống ta sẽ chạy tiếp cũng chẳng muộn gì!

Thế rồi nó dặng chân, duỗi tay, nhắm mắt ngủ ngon lành. Một lúc sau, con rùa ì ạch bò tới. Nó bỏ qua chỗ con thỏ đang ngủ say, rồi đến được mức cuối. Tiếng reo hò náo nhiệt.

Lúc đó, con thỏ vừa mở mắt. Biết mình thua cuộc, thỏ xấu hổ trốn vào rừng.

(<https://sites.google.com/site/158truyenngungonaesop/131---150>)

Thực hiện các yêu cầu:

Câu 1. Xác định phương thức biểu đạt chính

A. Biểu cảm

B. Miêu tả

C. Nghị luận

D. Tự sự

Câu 2. Truyện “Thỏ và rùa” kể theo ngôi thứ mấy?

A. Ngôi kể thứ nhất.

B. Ngôi kể thứ hai.

C. Ngôi kể thứ ba.

D. Ngôi kể thứ tư.

Câu 3. Đâu không phải là từ tượng hình được sử dụng trong văn bản?

A. Thiêm thiếp

B. Chậm chạp

C. Trường đua

D. Lầm bầm

Câu 4. Nhận xét nào sau đây đúng với truyện *Thỏ và Rùa*?

A. Giải thích nguyên nhân của sự chủ quan, kiêu ngạo.

B. Ca ngợi tình cảm cộng đồng bền chặt, sự chăm chỉ, nỗ lực.

C. Bài học về cách nhìn sự việc, cách ứng xử của con người.

D. Giải thích nguyên nhân sự chăm chỉ và tự tin của rùa.

Câu 5. Truyện xoay quanh sự việc nào?

A. Thỏ và rùa thách nhau chạy thi.

B. Thỏ khinh thường rùa chậm chạp.

C. Rùa cần mẫn chăm chỉ nỗ lực thi chạy.

D. Cuộc thi chạy giữa thỏ và rùa.

Câu 6. Hành động của thỏ trong tác phẩm thể hiện tính cách gì?

A. Kiêu ngạo, chủ quan.

B. Khinh thường, nhanh nhẹn.

C. Chủ quan, chậm chạp.

D. Tự tin, nhanh nhẹn.

Câu 7. Xác định nghĩa của phó từ “đã, đang, vẫn, cứ” trong văn bản?

A. Chỉ thời gian, sự tiếp diễn.

B. Chỉ không gian, sự tiếp diễn.

C. Chỉ thời gian, sự phủ định.

D. Chỉ thời gian, kết quả.

Câu 8. “Ngày xưa, một hôm, một lúc sau, lúc đó” có gì?

A. Trạng ngữ chỉ thời gian, cách thức trong truyện.

B. Trạng ngữ chỉ thời gian, không gian trong truyện.

